TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 - 5 - 2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Bích Huề

Bà Nguyễn Thị Thiên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn S, phường V, thành phố L, tỉnh Lào Cai, vắng mặt có lý do (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn*:* Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 24/02/2025 và bản tự khai ngày 24/02/2025, nguyên đơn là chị Mai Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đình T được tự do tìm hiểu, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 09/5/2024. Sau khi ký kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai

quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H và anh T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết gì.

- Tại bản tự khai ngày 05/3/2025 và biên bản lấy lời khai ngày 15/4/2025, bị đơn là anh Nguyễn Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Mai Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 09/5/2024 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái, tình cảm vợ chồng bình thường, khoảng tháng 6/2024 chị H quay về Lào Cai để làm sổ đỏ, từ đó chị H ít quay về, có về cũng chỉ để lấy quần áo rồi lại đi, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay chị H xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn và yêu cầu chị H phải trả cho anh T số tiền 20.000.000 đồng mà anh T đã cho chị H vay để tổ chức đám cưới cho con riêng của chị H.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị H không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng về: Thẩm quyền thụ lý vụ án; xác định tư cách của những người tham gia tố tụng; tiếp nhận tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp; thủ tục cấp, tống đạt văn bản tố tụng; thời hạn chuẩn bị xét xử; chuyển Quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập và nhận các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị H anh T được ly hôn.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất ly hôn trước khi mở phiên tòa thì mỗi bên phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Mai Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Đình T. Đây là tranh chấp về ly hôn; anh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự để các đương sự thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình và đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T vắng mặt không có lý do, chị H đề nghị Tòa án không tiếp tục hòa giải nữa. Do đó, Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 29 tháng 4 năm 2025 và phiên tòa sơ thẩm hôm nay anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H, anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị H và anh Nguyễn Đình T kết hôn ngày 09/5/2024, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, tại thời điểm kết hôn chị H, anh Trung đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, được coi là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, cuối năm 2024 chị H về Lào Cai sinh sống và cũng từ đó vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều nhất trí ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Mai Thị H đối với anh Nguyễn Đình T, xử cho chị H anh T được ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh T không có gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với yêu cầu của anh T về việc cho chị H vay 20.000.000 đồng để tổ chức cưới cho con riêng của chị H, nay vợ chồng ly hôn anh T yêu cầu chị H phải trả cho anh Trung. Đây là quan hệ vay mượn tài sản giữa anh T và chị H nên anh T có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị H, anh T đều nhất trí ly hôn trước khi mở phiên tòa nên chị H, anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Mai Thị H và anh Nguyễn Đình T được ly hôn.

2. Về án phí: Chị Mai Thị H phải chịu 75.000 (Bẩy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0000189 ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, chị Mai Thị H được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 225.000 (Hai trăm hai mươi lăm nghìn) đồng; anh Nguyễn Đình T chịu 75.000 (Bẩy mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo:

Chị Mai Thị H và anh Nguyễn Đình T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã C, huyện V;
- Các đương sự (Chị H, anh T);
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Hà